

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BRIGHTSTAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BRIGHTSTAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BRIGHTSTAR TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BRIGHTSTAR TRADING AND INVESTMENT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110093920

3. Ngày thành lập: 17/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

P.408, Tầng 4 Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0342974927

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632

9.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống không có cồn - Bán buôn đồ uống có cồn: Bán buôn bia - Phân phối rượu; Bán buôn rượu	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ loại Nhà nước cấm)	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại	4669
20.	Trồng lúa	0111
21.	Trồng cây lấy sợi	0116
22.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
23.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
24.	Trồng cây hàng năm khác	0119

25.	Trồng cây ăn quả	0121
26.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
27.	Trồng cây điều	0123
28.	Trồng cây hồ tiêu	0124
29.	Trồng cây cao su	0125
30.	Trồng cây cà phê	0126
31.	Trồng cây chè	0127
32.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
33.	Trồng cây lâu năm khác	0129
34.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
35.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
36.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
37.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
38.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
39.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
40.	Chăn nuôi gia cầm	0146
41.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ;	0149
42.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
43.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
44.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
45.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
46.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh	8299
48.	Lập trình máy vi tính	6201
49.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

50.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin. - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin. - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật. - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử. - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin. - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu. - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. - Hoạt động công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm	6209
51.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
52.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
53.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản)	6820

55.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc - Giám sát thi công xây dựng cơ bản - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Giám sát, tư vấn giám sát thi công xây dựng - Dịch vụ tư vấn đầu thầu - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng bao gồm: + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát xây dựng gồm: Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất công trình - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Dịch vụ lập quy hoạch xây dựng - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Kiểm định xây dựng - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện.	7110
56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
57.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
59.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
60.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
62.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
63.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
64.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
65.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
66.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
67.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
68.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
69.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

70.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
71.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
72.	Đúc sắt, thép	2431
73.	Đúc kim loại màu	2432
74.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
75.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
76.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
77.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
78.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
79.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
80.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
81.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
82.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
83.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
84.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
85.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
86.	Sản xuất đồng hồ	2652
87.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
88.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
89.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
90.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
91.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
92.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
93.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
94.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
95.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
96.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
97.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
98.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
99.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
100.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
101.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
102.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815

103.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
104.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
105.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
106.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
107.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
108.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
109.	Sản xuất máy luyện kim	2823
110.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
111.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
112.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
113.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
114.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4789
115.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
116.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
117.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
118.	Xây dựng nhà để ở	4101
119.	Xây dựng nhà không để ở	4102
120.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
121.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
122.	Xây dựng công trình điện	4221
123.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
124.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
125.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
126.	Xây dựng công trình thủy	4291
127.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
128.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
129.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
130.	Phá dỡ (Loại trừ nổ mìn)	4311
131.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
132.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
133.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
134.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
135.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

136.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
137.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
138.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
139.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
140.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
141.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ NGUYỄN TUẤN DUY	P506 Chung cư Tân Sáng, Phường Hiến Nam, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	0332020064 79	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000		
2	NGUYỄN VĂN NÊ	Thôn Lương Xá, Xã Liên Bát, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	0010660055 93	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		

3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Thôn Lương Xá, Xã Liên Bạt, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	001189028747
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NÊ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001066005593

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lương Xá, Xã Liên Bạt, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lương Xá, Xã Liên Bạt, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội